

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2024/DS-ST

Ngày: 21 - 8 - 2024

V/v Tranh chấp hợp đồng góp hui

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Liên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Lê Văn Lài;
- Ông Nguyễn Văn Vân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hiệp là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:** Bà Không Thị Thu - Kiểm sát viên;

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 270/2024/TLST-DS, ngày 31 tháng 5 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1987; Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Địa chỉ cư trú hiện nay: Ấp G, xã B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

*Bị đơn:* Bà Trần Thị N, sinh năm 1968 và ông Dương Văn H, sinh năm 1965; Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Bà N, ông H vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN :**

**Theo đơn khởi kiện ngày 24/5/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:** Bà có tham gia chơi dây hui 5.000.000 đồng/tháng, khai hui ngày 25/7/2022 âm lịch, mỗi tháng khai 01 lần, gồm 26 phần do bà Trần Thị N làm chủ thảo hui. Bà tham gia 01 phần và đóng hui sống đến tháng 9/2023 âm lịch được 16 kỳ hui, trung bình giá kêu hui hàng tháng dao động khoảng 1.500.000 đồng/tháng. Tháng 10/2023 âm lịch bà N thông báo vỡ hui, trong khi đó bà vẫn chưa được đăng hui. Tính toán tiền hui sống bà N còn nợ lại bà là: 16 kỳ x 3.500.000 đồng/kỳ = 56.000.000 đồng.

Đến ngày 25/12/2023 âm lịch bà N chỉ trả cho bà số tiền 5.000.000 đồng, bà không nhận số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 10/11/2023 âm lịch của bà N. Tính đến nay bà N còn nợ tiền hui là 56.000.000 đồng - 5.000.000 đồng = 51.000.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện ngày 24/5/2024, bà yêu cầu ông H, bà N có trách nhiệm trả cho bà số tiền hui 75.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bà thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc ông H, bà N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền hui vốn 51.000.000 đồng, không tính lãi hui. Vì ông H là chồng của bà N có biết việc bà N làm chủ hui và tham gia làm hui cùng bà N.

***Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị N trình bày:*** Bà thống nhất với lời trình bày của bà L về dây hui nêu trên. Mục đích của bà làm chủ thảo hui là được hưởng hoa hồng có thu nhập chăm lo cho gia đình. Theo tính toán, bà còn nợ bà L số tiền hui vốn 57.000.000 đồng của dây hui 5.000.000 đồng/tháng, khai ngày 25/7/2022 âm lịch.

Ngày 10/11/2023 âm lịch bà trả cho bà L số tiền 10.000.000 đồng; đến ngày 21/12/2023 âm lịch trả tiếp cho bà L số tiền 5.000.000 đồng, khi trả tiền không lập biên bản giao nhận.

Nay bà chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền hui vốn là 42.000.000 đồng, không có lãi hui. Bà không đồng ý để ông H liên đới trả nợ vì ông H không có liên quan đến việc bà làm hui; ông H đã bị bệnh tim khoảng 10 năm nay, thu nhập của gia đình chủ yếu từ thu nhập làm hui, ngoài ra không có khoản thu nhập khác.

***Tại bản tường trình ngày 26/7/2024 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Dương Văn H trình bày:*** Ông H là chồng của bà N chung sống với bà N cách đây khoảng 40 năm. Quá trình chung sống bà N mang nhiều căn bệnh, không đảm bảo sức khoẻ nên có làm chủ hui, ông đã nhiều lần ngăn cản làm hui nhưng bà N không nghe. Từ năm 2019 cho đến nay sức khoẻ của ông yếu kém, phải điều trị trong thời gian dài. Ông và bà N cũng đã phải bán 02 phần đất để trả tiền nợ hui cho các hui viên. Nay ông xác định không có liên quan đến việc bà N làm hui nên không đồng ý cùng bà N liên đới trả nợ cho bà L.

***Tại phiên toà, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:***

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biểu, phùng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, buộc bà Trần Thị N và ông Dương Văn H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền hui là 51.000.000 (năm mươi một triệu) đồng cho bà L. Ghi nhận bà L không tính lãi.

Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên Tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của đương sự trong vụ án, xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 471 của Bộ luật Dân sự. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh là Tòa án nơi bị đơn cư trú có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Dương Văn H, bà Trần Thị N vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà N theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/5/2024, bà L yêu cầu vợ chồng ông H, bà N có trách nhiệm trả số tiền nợ hui 75.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà L thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc ông H, bà N có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ hui 51.000.000 đồng, không tính lãi suất.

[2.1] Về xác định số tiền hui: Căn cứ vào giấy hui nguyên đơn, bị đơn cung cấp và bà L, bà N trình bày thống nhất bà L có tham gia chơi dây hui 5.000.000 đồng/tháng, khai ngày 25/7/2022 âm lịch, mỗi tháng khai 01 lần. Dây hui này gồm 26 phần do bà N làm chủ thảo hui, bà L tham gia 01 phần. Tháng 10/2023 âm lịch bà N thông báo bị vỡ hui trong khi đó bà L chưa được hốt hui. Bà L tính toán số tiền hui vốn đã đóng cho bà N là 56.000.000 đồng ít hơn số tiền đóng hui 57.000.000 đồng theo tính toán của bà N. Do vậy Hội đồng xét xử xác định số tiền hui vốn bà L đã đóng cho bà N 56.000.000 đồng theo xác nhận của bà L và theo hướng có lợi cho bị đơn.

Sau khi tính toán tiền hui, bà L thừa nhận số tiền 5.000.000 đồng đã nhận của bà N vào ngày 21/12/2023 âm lịch, bà L không nhận số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 10/11/2023 như bà N trình bày. Mặt khác bà N cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh về việc bà N đã trả số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 10/11/2023 âm lịch cho bà L. Do vậy Hội đồng xét xử có căn cứ xác định bà N còn nợ bà L số tiền hui vốn là 56.000.000 đồng – 5.000.000 đồng = 51.000.000 đồng.

[2.2] Về nghĩa vụ liên đới trả tiền nợ hui: Xét thấy bà N và ông H chung sống từ khoảng năm 1984-1985 đến nay nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Bà N mở hui, làm chủ thảo hui diễn ra trong thời gian dài và trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng ông H, bà N. Bà N trình bày bà mang nhiều căn bệnh, không có nghề nghiệp chỉ làm chủ hui hưởng hoa hồng để có thu nhập chăm lo

cho gia đình. Ông H trình bày từ năm 2019 ông bị bệnh tim phải điều trị trong thời gian dài, ông có biết bà N làm chủ thảo hụi và có ngăn cản bà N nhưng ông không có chứng cứ chứng minh. Do vậy cần buộc ông H, bà N phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ hụi cho bà L là phù hợp theo quy định tại Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc vợ chồng ông H, bà N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền nợ hụi là 51.000.000 đồng. Ghi nhận bà L không yêu cầu tính lãi.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của bà L được chấp nhận nên ông Dương Văn H, bà Trần Thị N có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật là: 51.000.000 đồng x 5% = 2.550.000 đồng.

Bà L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí khởi kiện đã nộp.

[4] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hụi, biên, phường; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với ông Dương Văn H và bà Trần Thị N về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”.

Buộc ông Dương Văn H và bà Trần Thị N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền nợ hụi là 51.000.000 (năm mươi một triệu) đồng. Ghi nhận bà L không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Dương Văn H, bà Trần Thị N có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền 2.550.000 (hai triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí khởi kiện bà đã nộp 1.875.000 (một triệu, tám trăm bảy mươi

lăm nghìn) đồng tại biên lai thu số 0009331 ngày 31/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

**3.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**4.** Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận:***

- Phòng KTNV-TAND tỉnh TN;
- VKSND H.Châu Thành;
- CCTHADS H.Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Bùi Thị Liên**

